

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6 <b>TRƯỜNG THCS PHẠM ĐÌNH HỔ</b> Họ và tên HS:..... ..... Lớp:..... STT:.....	<b>KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ I</b> <b>NĂM HỌC: 2025 – 2026</b> NGÀY KIỂM TRA:...../12/2025		SỐ CỦA MỖI BÀI do Giám thị ghi
	Chữ kí Giám thị 1	Chữ kí Giám thị 2	SỐ MẬT MÃ do Hội đồng chấm ghi
MÔN THI: <b>CÔNG NGHỆ 8 – ĐỀ A</b> THỜI GIAN LÀM BÀI: <b>45 PHÚT</b>			

<b>TỔNG ĐIỂM</b> <i>(viết bằng chữ và bằng số)</i>	Số tờ giấy kiểm tra đã làm bài:.....tờ		SỐ MẬT MÃ do Hội đồng chấm ghi
	Chữ kí Giám khảo 1	Chữ kí Giám khảo 2	
			SỐ CỦA MỖI BÀI do Giám thị ghi

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**

Học sinh chọn đáp án đúng nhất và ghi đáp án (A, B...) vào khung trả lời bên dưới:

<b>CÂU</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
<b>ĐÁP ÁN</b>														
<b>CÂU</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>27</b>	<b>28</b>
<b>ĐÁP ÁN</b>														

**Câu 1:** Chất dẻo nhiệt rắn được ứng dụng làm:

A. Rổ, cốc, can, ghế, bình nước, ...

B. Tay cầm cho dụng cụ nấu ăn, ổ cắm điện, ...

C. Ống dẫn, đai truyền, đế giày, dép, ...

D. Lõi dây dẫn điện, nồi, chảo, ...

**Câu 2:** Tại sao kim loại đen dễ bị gỉ sét?

A. Trong thành phần có sắt

B. Trong thành phần có carbon

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Câu 3:** Thép có tỉ lệ carbon:

A.  $< 2,14\%$

B.  $\leq 2,14\%$

C.  $> 2,14$

D.  $\geq 2,14\%$

**Câu 4:** Gang thường được làm:

A. Làm dây dẫn điện, vòng đệm, vòi nước, ...

B. Làm dây dẫn điện, vỏ máy bay, xoong nồi, khung cửa kính, ...

C. Vỏ máy, vỏ động cơ, dụng cụ nhà bếp, ...

D. Túi nhựa, chai nhựa, ống nước, vỏ dây cáp, dây điện, ...

**Câu 5:** Đầu là sản phẩm làm từ chất dẻo nhiệt?

A. túi nhựa, chai nhựa

B. Chi tiết máy: lớp lót ống, trục bánh xe

C. Săm, lốp

D. Chất thay thế chống vỡ

**Thí sinh không được viết vào phần này**

**Câu 6:** Tính chất của chất dẻo nhiệt rắn là?

- A. Nhiệt độ nóng chảy thấp  
B. Hóa rắn ngay khi làm nguội từ nhiệt độ gia công  
C. Không có khả năng tái chế  
D. Cả B và C đều đúng

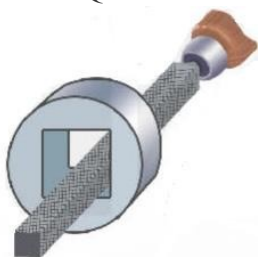
**Câu 7:** Tính chất của kim loại màu là:

- A. Dễ kéo dài  
B. Dễ dát mỏng  
C. Chống mài mòn cao  
D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 8:** Phát biểu nào đúng khi nói về an toàn khi đục?

- A. Không dùng búa có cán bị vỡ, nứt  
B. Không dùng đục bị mẻ  
C. Kẹp vật đủ chặt  
D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 9:** Quan sát hình ảnh sau và cho biết đây là loại dũa nào?



- A. Dũa vuông  
B. Dũa dẹp  
C. Dũa bán nguyệt  
D. Dũa tròn

**Câu 10:** Trong các dụng cụ sau, dụng cụ nào không phải là dụng cụ gia công?

- A. Cưa  
B. Đục  
C. Tua vít  
D. Dũa

**Câu 11:** Phát biểu nào sau đây sai khi nói về an toàn khi cưa?

- A. Kẹp vật cưa đủ chặt  
B. Lưỡi cưa căng vừa phải, không sử dụng cưa không có tay nắm hoặc tay nắm vỡ  
C. Khi cưa gần đứt phải đẩy cưa mạnh hơn  
D. Không dùng tay gạt mặt cưa hoặc thổi vì mặt cưa dễ bắn vào mắt

**Câu 12:** Để đo đường kính trong của một kích thước không lớn lắm, cần sử dụng dụng cụ nào?

- A. Thước lá  
B. Dụng cụ lấy dầu  
C. Ê ke  
D. Thước cặp

**Câu 13:** Dụng cụ nào dùng để tạo độ nhẵn, phẳng trên bề mặt vật liệu ?

- A. Đục  
B. Dũa  
C. Cưa  
D. Búa

**Câu 14:** Đầu không phải dụng cụ đo và kiểm tra?

- A. Thước lá  
B. Dụng cụ lấy dầu  
C. Ê ke  
D. Thước cặp

**Câu 15:** Để đảm bảo an toàn khi đục, cần chú ý những điểm gì ?

- A. Không dùng búa có cán bị vỡ, nứt.  
B. Không dùng đục bị mẻ.  
C. Kẹp vật vào ê-tô phải đủ chặt.  
D. Tất cả đều đúng

**Câu 16:** Muốn xác định trị số thực của góc, ta dùng:

- A. Êke  
B. Ke vuông  
C. Thước đo góc vạn năng  
D. Thước cặp

**Câu 17:** Trong sản xuất, bản vẽ giúp:

- A. Thiết kế và chế tạo sản phẩm  
B. Tăng giá sản phẩm  
C. Giảm chất lượng sản phẩm  
D. Tăng độ phức tạp sản phẩm

**Câu 18:** Bản vẽ kỹ thuật là gì?

- A. Hình vẽ trang trí  
B. Bản mô tả sản phẩm bằng hình biểu diễn



Thí sinh không được viết vào phần này

Câu 2: Kể tên một vài sản phẩm gia dụng có sự kết hợp các loại vật liệu khác nhau để khai thác hết tính năng của sản phẩm trong quá trình sử dụng. Hãy mô tả tác dụng của từng loại vật liệu ứng với từng bộ phận của sản phẩm? (1,0 điểm)

.....

.....

.....

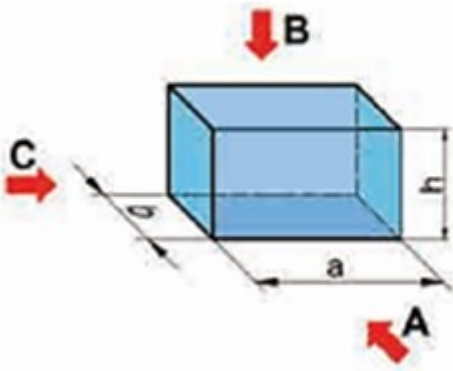
.....

.....

.....

.....

Câu 3: Vẽ hình chiếu của vật thể sau: (1,0 điểm)



.....

.....

.....

.....

----- HẾT -----

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ 1**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 8**

**I. TRẮC NGHIỆM: (7,0 điểm)**

- Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.
- Đáp án chữ viết phải viết chữ in hoa (A; B; C hoặc D) nếu ghi chữ thường phần trắc nghiệm trừ 0,5 điểm

<b>CÂU</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>10</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
<b>ĐÁP ÁN</b>	B	A	B	C	A	D	D	D	A	C	C	D	B	B
<b>CÂU</b>	<b>15</b>	<b>16</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>20</b>	<b>21</b>	<b>22</b>	<b>23</b>	<b>24</b>	<b>25</b>	<b>26</b>	<b>27</b>	<b>28</b>
<b>ĐÁP ÁN</b>	D	C	A	B	B	A	B	C	C	B	A	B	A	B

**II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

**Câu 1: So sánh nội dung cần đọc của bản vẽ chi tiết và bản vẽ lắp? (1,0 điểm)**

*Mỗi ý đúng được 0.5 điểm*

	<b>Bản vẽ chi tiết</b>	<b>Bản vẽ lắp</b>
<b>Giống nhau</b>	- khung tên - hình biểu diễn - kích thước	
<b>Khác nhau</b>	- yêu cầu kĩ thuật	- bảng kê - phân tích chi tiết - tổng hợp

**Câu 2: Kể tên một vài sản phẩm gia dụng có sự kết hợp các loại vật liệu khác nhau để khai thác hết tính năng của sản phẩm trong quá trình sử dụng. Hãy mô tả tác dụng của từng loại vật liệu ứng với từng bộ phận của sản phẩm ? (1.0 điểm) Mỗi ý đúng được 0.5 điểm**

- Cái nồi/chảo: phần nồi/chảo được làm từ các kim loại màu dẫn nhiệt tốt giúp nhanh chín thức ăn, phần tay cầm được làm từ chất dẻo nhiệt rắn chịu được nhiệt độ cao tránh bỏng tay.

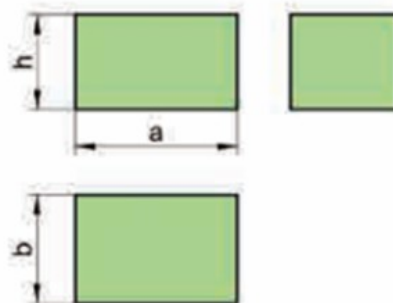
- Cái kéo: phần lưỡi kéo được làm từ vật liệu kim loại đen cứng chắc, phần vỏ kéo được làm từ cao su giảm chấn tốt, không bị đau tay khi sử dụng kéo.

**Câu 3: Vẽ hình chiếu của vật thể sau: ( 1.0 điểm)**

- Vẽ đúng hình dạng : 0.5 điểm

- Vẽ đúng vị trí: 0.5 điểm

- Có ghi kích thước: 0.5 điểm



**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ 1**  
**NĂM HỌC 2025 - 2026**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 8**

Tên bài học	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
<b>Bài 1: Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật</b>	2		2						4		<b>1,0</b>
<b>Bài 2: Hình chiếu vuông góc</b>	2		2			1			4	1	<b>2,0</b>
<b>Bài 3: Bản vẽ kỹ thuật</b>	2		2			1			4	1	<b>2,0</b>
<b>Bài 4: Vật liệu cơ khí</b>	4		3					1	7	1	<b>2,25</b>
<b>Bài 5: Gia công cơ khí</b>	6		3						9		<b>2,25</b>
<b>Tổng số câu TN/TL</b>	<b>16</b>		<b>12</b>			<b>2</b>		<b>1</b>	<b>28</b>	<b>3</b>	<b>10,0</b>
<b>Điểm số</b>	<b>4,0</b>		<b>3,0</b>			<b>2,0</b>		<b>1,0</b>	<b>7,0</b>	<b>3,0</b>	<b>10,0</b>
<b>Tổng số điểm</b>	<b>4,0 điểm</b>		<b>3,0 điểm</b>			<b>2,0 điểm</b>		<b>1,0 điểm</b>	<b>10 điểm</b>		<b>10 điểm</b>
	<b>40%</b>		<b>30%</b>			<b>20%</b>		<b>10%</b>	<b>100 %</b>		

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ 1**  
**NĂM HỌC 2025 – 2026**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ 8**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu TL/ Số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TN (số câu)	TL (số câu)	TN	TL
<b>Bài 1</b>			4			
<b>Tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật</b>	Nhận biết	- Khái niệm, vai trò bản vẽ kỹ thuật - Các tiêu chuẩn trình bày bản vẽ, quy định về chữ và kích thước	2		C17, C18	
	Thông hiểu	- Hiểu được ý nghĩa từng nét vẽ, quy tắc ghi khung tên	2		C19, C20	
	Vận dụng	- Vẽ được khung tên, bố trí khổ giấy, ghi kích thước đúng quy ước - Áp dụng các nét vẽ để vẽ hình chiếu				
<b>Bài 2</b>			4	1		
<b>Hình chiếu vuông góc</b>	Nhận biết	- Khái niệm hình chiếu, phép chiếu vuông góc - Nhận biết ba hình chiếu cơ bản, vị trí các hình chiếu	2		C21, C23	
	Thông hiểu	- Hiểu được mối liên hệ giữa các hình chiếu, quy tắc sắp xếp các hình chiếu	2		C22, C24	
	Vận dụng	- Vẽ được ba hình chiếu cơ bản		1		Câu 3
<b>Bài 3</b>			4	1		
<b>Bản vẽ kỹ thuật</b>	Nhận biết	- Các dạng bản vẽ trong công nghệ - Nội dung cơ bản thể hiện trong bản vẽ	2		C25, C28	
	Thông hiểu	- Hiểu được chức năng của từng bản vẽ	2		C26, C27	
	Vận dụng	- Vận dụng bản vẽ để nhận biết vật thể - Phân biệt bản vẽ lắp và bản vẽ chi tiết		1		Câu 1
<b>Bài 4</b>			7	1		
<b>Vật liệu cơ khí</b>	Nhận biết	- Chỉ ra vật liệu cơ khí thường được sử dụng	4		C3, C4, C6, C7	

		trong sản xuất và đời sống				
	Thông hiểu	- Đặc điểm của kim loại đen. - So sánh về đặc điểm và tính ứng dụng của chất dẻo nhiệt và chất dẻo nhiệt rắn.	3		C1, C2, C5	
	Vận dụng	- Ứng dụng của vật liệu cơ khí trong sản xuất và đời sống		1		Câu 2
<b>Bài 5</b>			9			
<b>Gia công cơ khí</b>	Nhận biết	- Nhận biết dụng cụ dùng để cắt vật liệu để tạo độ nhẵn, phẳng trên bề mặt vật liệu.	6		C8, C9, C10, C13, C14, C16	
	Thông hiểu	Hiểu được cách sử dụng một số dụng cụ đo, vạch dấu Hiểu được cách sử dụng một số dụng cụ gia công	3		C11, C12, C15	
	Vận dụng	Biết cách giữ an toàn khi đo, vạch dấu Biết giữ an toàn khi cưa, đục, dũa...				

*Bình Tiên, ngày 05 tháng 12 năm 2025*

**Người ra đề**

**BAN GIÁM HIỆU**

**TTCM**

**Nguyễn Thu Thảo**

**Nguyễn Thị Minh Tâm Nguyễn Thị Phương Nga**